MỤC LỤC Trang

|  |
| --- |
| **I. PHẦN I: MỞ ĐẦU** |
| 1. Lý do chọn đề tài |  |
| 2. Mục đích nghiên cứu |  |
| 3. Đối tượng nghiên cứu |  |
| 4. Phương pháp nghiên cứu |  |
| 5. Kế hoạch nghiên cứu |  |
| **PHẦN II: NỘI DUNG** |  |
| 1. Cơ sở lý luận |  |
| 2. Cơ sở thực tiễn |  |
| 3. Thực trạng |  |
| 4. Nội dung và biện pháp thực hiện |  |
| 5. Kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm5.1 Kết quả đạt được5.2 Bài học kinh nghiệm |  |
| **PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| 1. Kết luận |  |
| 2. Khuyến nghị |  |
| **PHẦN IV: TÀI LIỆU THAM KHẢO** |  |

**I. PHẦN I: MỞ ĐẦU**

**1. Lý do viết đề tài:**

**-** Về mặt khách quan: Tiếng Anh ngày càng trở thành một ngôn ngữ cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc học tiếng Anh không chỉ còn nằm trong phạm vi là một môn học trong nhà trường mà nó đã, đang và sẽ trở thành công cụ hữu ích cần thiết trong việc giao tiếp trong công việc của học sinh sau khi ra trường.

- Về mặt chủ quan: bản thân các em học sinh trong các lớp mà tôi được nhận giảng dạy có kiến thức nền tảng về Tiếng Anh khá yếu. Việc học để làm bài thi theo mẫu của Sở Giáo Dục Hà Nội như năm học 2018-2019 là một thách thức lớn đối với các em trước thềm bước vào cấp 3.

Nhận thấy tầm quan trọng của tiếng Anh và mong muốn giúp phần nào các em học sinh có thể vững tin vào cấp 3, tôi đã trăn trở, vừa dạy vừa rút kinh nghiệm và quyết định lựa chọn để tài “ Nâng cao chất lượng môn Tiếng Anh cho học sinh đại trà khối 9”.

**2. Mục đích nghiên cứu**

Trước nhu cầu cấp thiết của bộ môn tiếng Anh trong nhà trường và thực trạng chất lượng học sinh như hiện nay,tôi nghiên cứu đề tài “ Nâng cao chất lượng môn tiếng Anh cho học sinh đại trà khối 9” với mong muốn được chia sẻ và học hỏi hơn nữa nhằm góp phần cải thiện chất lượng môn tiếng Anh cho học sinh của trường THCS Vạn Phúc nói riêng và của huyện Thanh Trì nói chung.

**3. Đối tượng nghiên cứu**

Do xuất phát từ thực tế dạy và học Tiếng Anh của thầy và trò trường tôi nên đề tài này tôi chỉ nghiên cứu giới hạn học sinh khối 9 , cụ thể là 2 lớp 9C và 9D mà tôi được phân công dạy ở năm học 2018-2019.

**C. Phương pháp nghiên cứu đề tài**:

Để có cái nhìn tổng quan và đem lại kết quả cao, tôi đã thực hiện nghiên cứu đề tài của mình theo nhiều phương pháp. Điển hình trong số đó là:

* **Phương pháp nghiên cứu lí luận**: Tích cực nghiên cứu và trau dồi kiến thức giảng dạy chuyên môn qua các tài liệu trong và ngoài nước như “ Five- minute activities” by Penny Ur and Andrew Right, “Kỹ thuật dạy tiếng Anh’ by Nguyen Quoc Hung,Ha Noi National University.

- **Phương pháp quan sát**: trực tiếp thực hiện giờ dạy ở các lớp được phân công đảm nhiệm (9C, 9D), kết hợp so sánh với các lớp không trực tiếp giảng dạy qua các tiết dự giờ , thăm lớp của đồng nghiệp

- **Phương pháp nghiên cứu sản phẩm**: thông qua kết quả kiểm tra các đợt của lớp, của trường và của phòng giáo dục.

4. Kế hoạch nghiên cứu

**PHẦN II NỘI DUNG**

1. Cơ sở lý luận

Trong xu thế đất nước đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc đổi mới trong giáo dục nói chung đang trở thành một nhu cầu cấp thiết để theo kịp với các quốc gia trên thế giới. Các môn ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, vì thế, càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế. Nhu cầu giao tiếp tiếng Anh không còn là xa lạ với các nhà trường và đặc biệt là với các công việc đòi hỏi mức lương khá trờ lên. Với nhiều ngành nghề, tiếng Anh đang dần trở thành một điều kiện cần thiết với người xin việc. Cụ thể như, trong quyết định mới đây số 1076/QĐ-UBND, (ngày 07/03/2019) về việc thi tuyển dụng viên chức của Sở giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thước UBND quận, huyện, thị xã, của thành phố Hà nội, ngoài các điều kiện chung và riêng về chuyên môn , một trong những điểm mới là giáo viên ở các bộ môn khác ngoài tiếng Anh phải có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Từ vấn đề này, chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của tiếng Anh ngay từ khi các em còn ngồi trên ghế nhà trường. Đó không còn là điều kiện cần để các em thi tốt nghiệp ra trường mà còn là điều kiện đủ trong tương lai không xa của các em, những học sinh thế hệ 2000. Vậy việc làm sao để các em có thể đạt được ước mơ hay ít nhất một công việc ổn định sau này mà có môn tiếng Anh thực sự cần sự chuẩn bị lâu dài từ cấp 2 để các em có nền tảng vững chắc cho tương lai.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Trong những năm gần dây, việc đổi mới phương pháp dạy tiếng Anh có nhiều thay đổi tích cực. Bộ giáo dục- đào tạo cũng đã nghiên cứu “Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh”. Trên thực tế, một số trường đã áp dụng các phương pháp đó vào thực tiễn và đi đến thành công. Tuy nhiên, ở nhiều trường THCS, chất lượng học sinh vẫn chưa nâng cao. Việc giáo viên tâm huyết với nghề dạy, đạt được nhiều thành tích trong giảng dạy chuyên môn từ cấp huyện tới thành phố, nhiều học sinh đi thi các giải Olympic tiếng Anh hay học sinh giỏi cấp huyện, thành phố đạt giải nhưng phải thừa nhận rằng kết quả giáo dục đại trà của môn tiếng Anh chưa cao. Điều này có thể thấy qua kết quả thi khảo sát chung của Sở giáo dục và Đào tạo Hà Nội với môn tiếng Anh cho học sinh khối 9 vào đầu năm học 2018-2019 (ngày 15/11/2019). Theo đó, toàn huyện Thanh Trì có 17 trường nhưng kết quả trên trung bình của cả huyện mới đạt được chưa qua 50%, và riêng trường THCS Vạn Phúc, có 23,8% trên trung bình, xếp thừ 13/17 trường toàn huyện. Trong 2 lớp 9C, 9D mà tôi được phân công dạy trong năm học này, kết quả qua lần khảo sát đầu tiên này cũng rất thấp: 9C 18,2%, 9D: 6.5% trên trung bình.

|  |
| --- |
| **MÔN ANHNgày thi: 15/11/2018** |
| **LỚP** | **SĨ SỐ** | **HS dự thi** | **Điểm 8 -10** | **Điểm 6.5 - 7,75** | **Điểm 5 - 6,25** | **Điểm 3 - 4,75** | **Điểm 0,25 - 2,75** | **Điểm 0** | **Trên TB** |
|  | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** |
| 9A | 36 | 36 | 100.0% | 2 | 5.6% | 5 | 13.9% | 10 | 27.8% | 15 | 41.7% | 4 | 11.1% | 0 | 0.0% | 17 | 47.2% |
| 9B | 36 | 36 | 100.0% | 1 | 2.8% | 2 | 5.6% | 7 | 19.4% | 19 | 52.8% | 7 | 19.4% | 0 | 0.0% | 10 | 27.8% |
| 9C | 34 | 33 | 97.1% | 0 | 0.0% | 2 | 6.1% | 4 | 12.1% | 14 | 42.4% | 13 | 39.4% | 0 | 0.0% | 6 | 18.2% |
| 9D | 31 | 31 | 100.0% | 0 | 0.0% | 0 | 0.0% | 2 | 6.5% | 13 | 41.9% | 16 | 51.6% | 0 | 0.0% | 2 | 6.5% |
| 9E | 36 | 36 | 100.0% | 0 | 0.0% | 0 | 0.0% | 6 | 16.7% | 14 | 38.9% | 16 | 44.4% | 0 | 0.0% | 6 | 16.7% |
| K9 | 173 | 172 | 99.4% | 3 | 1.7% | 9 | 5.2% | 29 | 16.9% | 75 | 43.6% | 56 | 32.6% | 0 | 0.0% | 41 | 23.8% |

Từ thực tế này, việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh đại trà cho học sinh khối 9 của riêng trường THCS Vạn Phúc đang là nỗi lo và là sự trăn trở của Ban giám hiệu trường nói riêng và của giáo viên trực tiếp giảng dạy môn Anh 9 như tôi nói riêng.

Chính vì những lý do đó mà năm 2018-2019, tôi đã xây dựng kế hoạch làm thế nào để góp phần “Nâng cao chất lượng học sinh đại trà khối 9” cho học sinh toàn trường.

**3. Thực trạng giảng dạy tiếng Anh tại trường THCS Vạn Phúc**

**3.1 Thuận lợi**

* Ban giám hiệu trường THCS Vạn Phúc luôn quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh trong giảng dạy với tiêu chí “Tất cả vì học sinh thân yêu”. Năm học 2017-2018, BGH trang bị cho mỗi giáo viên tiếng Anh 1 đài và giao riêng tự quản để dạy tới hết năm học, từ đó giáo viên không còn bị tình trạng thiếu đài hay chung nhau khi các lớp có trùng tiết.Đồng thời, trước thực trạng kết quả khảo sát theo mẫu đề của Sở giáo dục ở trường Vạn Phúc đạt kết quả thấp (23% học sinh toàn trường trên TB),nhà trường đã tạo điều kiện để các giáo viên dạy khối 9 được tăng cường dạy tự chọn mỗi lớp 2 tiết Anh vào buổi chiều, ngoài 2 tiết học thêm. Từ đó, số tiết luyện tập của học sinh khối 9 được nâng lên là 4 tiết/ tuần.
* Tổ nhóm chuyên môn có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng (100% GV trong nhóm tiếng Anh đều đạt chuẩn B2 theo quy định), nhiệt tình và tâm huyết với nghề. Các thành viên trong tổ nhóm sinh hoạt chuyên môn đều đặn, đi sâu và kịp thời vào các vấn đề khó khăn trước mắt trong chuyên môn.

**3.2 Khó khăn**

* Do trường nằm ở khu vực ngoại thành, lại trong dự án đê điều nên cơ sở vật chất được trang bị còn hạn chế. Trường THCS Vạn Phúc chưa có phòng học chức năng dành cho các môn như Âm Nhạc và tiếng Anh.
* Phần lớn thu nhập kinh tế của người dân địa phương còn thấp nên việc đầu tư cho con học tiếng Anh ở trưởng nói chung và ở các trung tâm nói riêng còn hạn chế.
* Trường THCS Vạn Phúc nằm trong địa bàn cuối huyện, xa trung tâm huyện và thành phố nên học sinh không có điều kiện tiếp cận với nhiều trung tâm Tiếng Anh, đặc biệt là các lớp có giáo viên nước ngoài giảng dạy.
* Chương trình sách giáo khoa cải cách theo bản quyền của tập đoàn giáo dục Pearson tăng cường từ vựng của nhiều chủ điểm xã hội khá khó với học sinh (ví dụ : khối 9- chủ điểm unit 10 “Space travel” (du lịch không gian), khối 7- chủ điểm unit 10- Sources of energy (Các nguồn năng lượng). Hơn thế nữa,với thời gian hạn hẹp theo phân phối chương trình, chương trình sách mới đòi hỏi học sinh nâng cao nhiều kỹ năng. Ví dụ như, tiết Skills 1 của mỗi bài, học sinh cần phát triển kỹ năng đọc và nói, ở skills 2 đòi hỏi học sinh kỹ năng nghe và viết.Trên thực tế, việc đi sâu rèn luyện và phát triển được 1 kỹ năng trong 1 tiết là hợp lý về mặt thời gian hơn là theo phân chia hiện tại trong sách.

**4. Nội dung và biện pháp thực hiện**

Cuốn sách “ Cẩm nang phương pháp sư phạm” của Ths. Nguyễn Thị Minh Phượng - Ths. Phạm Thị Thúy, dưới sự cố vấn của Ulrich Lipp- chuyên gia huấn luyện sư phạm tại Đức cùng GS TS Đinh Văn Tiến chỉ ra rằng “về cơ bản, con người ở mọi nơi trên trái đất đều học rất giống nhau”. Luận điểm đầu tiên để chứng minh cho điều này đó là “ học không có cảm xúc sẽ không thành công. Một phần quan trọng của cảm xúc này là mối quan hệ tích cực giữa người dạy và người học. Một giáo viên hoạt động như một “cỗ máy giảng” hoàn hảo sẽ không khích lệ việc học nhiều bằng một người thầy bằng xương bằng thịt, giảng bài bằng sự vui vẻ, cởi mở, tôn trọng và hài hước. Người thầy như là một tấm gương, nhưng không cần phải là hoàn hảo, vì những sai lầm nhỏ là không thé tránh khỏi. ”Vậy để thực hiện được tốt đề tài của mình, tôi đi sâu vào nghiên cứu vai trò giữa thầy, trò và mở rộng ra với gia đình để khai thác tối đa những ảnh hưởng tích cực mà từng nhân tố có, giúp nâng cao chất lượng của học sinh

**4.1 Đối với người thầy**

Đối với học sinh các khối lớp nói chung và học sinh khối 9 nói riêng, việc giao tiếp tiếng Anh trở thành một trở ngại khi các em không có cơ hội thực hành nhiều. Còn nhớ, khi mới ra trường, vốn kiến thức ngôn ngữ tràn trề nên lúc vào lớp dạy tôi nói với học sinh toàn bằng tiếng Anh, những câu dài và tôi nghĩ rằng học sinh đa phần hiểu hết. Tuy nhiên, sau đó tôi đã nhầm bởi qua tâm sự với một số học trò, tôi nhân được câu trả lời là “cô như người ngoài hành tinh” ở trên lớp bởi tôi nói nhưng trò không hiểu hết được, và cảm giác sợ học Tiếng Anh. Tôi bắt đầu suy nghĩ về việc thay đổi phương pháp cho học sinh dễ hiểu hơn. Dưới đây là một số điều tôi đã rút ra kinh nghiệm và thấy việc dạy của mình hiệu quả hơn

1. **Diễn đạt của giáo viên phải rõ ràng, rành mạch, ngắn gọn**

Đối với học sinh đại trà, việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh ngắn gọn, ít từ nhưng đem lại hiệu quả cao. Bài viết “10 classroom strategies to help English language learners succeed” (10 thủ thuật trong lớp giúp học sinh học tốt tiếng Anh” bởi tác giả Geri Mc Clymont , được đăng trên trang Owlcation.com ngày 8/3/2019 chỉ ra rằng cách diễn đạt của giáo viên rất quan trọng. Theo đó, tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của người học tại Việt Nam, nên người học cần nhiều thời gian để hiểu được những gì giáo viên muốn nói. Khi giáo viên nói càng nhanh, học sinh càng thấy khó và sợ Do đó, giáo viên chỉ nên tập trung vào những gì mình muốn truyền tải và diễn đạt chúng một cách dễ hiểu, ngôn ngữ không được quá hàn lâm và quan trọng là ngắn gọn, ít từ. Dưới đây là ví dụ về việc sử dụng quá nhiều từ dẫn dắt và ít từ hơn trong việc vào bài học

| **Too Many Words** | **Fewer Words** |
| --- | --- |
| "Today you're going to work on your advertisement posters so we need our class helpers to please hand out everybody's posters." (word count: 21) | "Today you'll work on your advertisement posters. Class helpers: please hand out the posters." (word count: 14) |
| "What do you think is a good way to get your readers' attention when you start your story so that they want to keep reading your story?" (word count: 27) | "What is a good way to get your readers' attention when you start your story?" (word count: 15) |
| "There are three different kinds of sentences we're going to talk about today. We have statements, we have questions, and we have exclamations." (word count: 23) | "Today we'll look at three kinds of sentences: statements, questions, and exclamations." (word count: 12) |

# (Trích: 10 Classroom Strategies to Help English Language Learners Succeed)

# Theo như cách này, việc dẫn dắt vào chủ điểm câu gián tiếp trên lớp 9 cũng tương tự. Thay vì cách nói dài dòng

# “There are three different kinds of reported speech we are going to talk about today. We have statements. We have Wh questions and we have Yes/No questions”. (28 từ)

# giáo viên có thể diễn đạt ngắn gọn như sau

# “Today, we’ll look at 3 kinds of reported speech: statements, WH questions and Yes/No questions” (16 từ)

# Việc dùng ít từ nhưng nêu được trọng tâm của bài học sẽ giúp học sinh dễ hiểu, dễ ghi nhớ và tập trung vào bài hơn.

# b. Trực quan hóa bài giảng

# Thay vì chỉ đứng như một cỗ máy để thuyết trình, gọi và học sinh trả lời, giáo viên nên sử dụng nhiều hình ảnh, dụng cụ trực quan sinh động như sử dụng tranh ảnh, bảng, biểu, đoạn phim tài liệu, sơ đồ tư duy. Việc này thực sự hữu ích với môn tiếng Anh bởi đây là bộ môn các em cần được học nhiều qua hình ảnh và nghe nói. Trong khuôn khổ của bài nghiên cứu này, tôi tập trung vào việc trực quan hóa bài giảng theo hướng sử dụng bản đồ tư duy (mindmaps) để học sinh lớp 9 của tôi có thể nhờ sâu, nhớ lâu những trọng tâm ngữ pháp.

# Tony Buzan là người sáng tạo ra phương pháp tư duy mind map. Ông đã nghiên cứu chuyên sâu về bộ não, trí nhớ, tìm ra quy luật khi xây dựng bản đồ gồm nhiều nhánh, giúp bộ não ghi chép các sự kiện một cách hệ thống, giúp luyện trí não của con người. Do đó, khi tạo lập bản đồ tư duy, giáo viên có thể giúp các em nhớ sâu kiên thức trọng tâm. Với riêng bản thân học sinh, việc tạo bản đồ tư duy giúp các em thỏa sức sáng tạo, tự do chọn màu sắc, đường nét cách trình bày. Được sử dụng chính thành quả lao động của mình, các em sẽ hiểu sâu, nhớ lâu kiến thức hơn.

# Áp dụng phương pháp này, với mỗi bài ôn tập ngữ pháp, tôi thường làm mẫu hoặc giao cho học sinh sau đó tự trình bày lại cách hiểu của các em qua bản đồ tư duy và treo trước lớp. Ví dụ như khi dạy ôn về các thì trong đó có thì hiện tại tiếp diễn, tôi sẽ làm mẫu như sau (đây là bản đồ tư duy tôi đã sử dụng cả trong phần trình chiều powerpoint khi dạy).

#

**c. Quan tâm tới học sinh**

Một người thầy dạy tốt, theo tôi, bên cạnh giỏi về chuyên môn, người thầy đó phải nắm bắt và am hiểu tâm lý của học sinh. Chằng thế mà, trong khi học sư phạm, chúng ta còn được học nhiều tiết và giáo trình về tâm lý lứa tuổi học sinh.

Việc quan tâm tới học sinh có thể được thể hiện ở nhiều góc độ và cách thức khác nhau.

Thứ nhất, trên lớp, giáo viên luôn quan tâm và động viên lúc học sinh làm bài tập. Thay vì tạo sự xa cách với học sinh, đôi khi giáo viên cũng cần hiểu các em như vai trò của một người bạn. Ở lớp 9D mà tôi dạy, ban đầu khi nhận lớp, học sinh rất trầm và sợ khi giơ tay phát biểu vì lúc đó tôi thường xuyên nghiêm khắc với học sinh. Sau vài buổi làm quen, thấy rằng nhìn chung các em học sinh ở lớp rất ngoan và thích nhẹ nhàng, tôi cũng cho mình cơ hội cởi mở với các em hơn. Và các giờ học thay vì chỉ có cô giảng trò nghe, tôi bắt đầu cho các em thể hiện ý kiến nhiều hơn. Những lúc các em làm bài, tôi thường đi xuống hỏi han và hướng dẫn cách làm. Trong lớp tôi nghe các cô giáo khác truyền lại là có em Phạm Thế Anh rất nhút nhát và học kém nhất lớp. Tôi cũng thử ngẫm nghĩ quan sát xem em có đúng như những gì mình nghe thấy không. Và với riêng các tiết của tôi, tôi thường đến cạnh hỏi em biết làm chưa, nên làm thế nào với bài tập đó. Dần dần, em khá tự tin và sẵn sàng giơ tay trả lời khi cô đặt câu hỏi. Nhiều lúc trong giờ học, khi các em thấy mệt mỏi, căng thẳng, chán học, nếu giáo viên cố gắng nhồi nhét kiến thức thì quả là vô ích. Thay vào đó, tôi thường chuyển sang nói chuyện về những chủ điểm nóng mà các con quan tâm để tạo không khí hứng khởi hơn. Ví dụ như các con đang thần tượng nhóm nhạc BTS, tôi có thể hỏi các con về những thông tin của nhóm đó để các con thỏa sức nói về thần tượng của mình và thể hiện những gì mình yêu thích như hát các bài hát của họ. Sau đó, giờ học lại bắt đầu một cách hứng khởi hơn.

Thứ hai, việc quan tâm tới học sinh còn thể hiện ở việc giáo viên có linh động trong xếp chỗ ngồi học tập cho các em. Đổi với các lớp tôi dạy, ngoài sự sắp xếp chỗ của giáo viên chủ nhiệm, tôi cũng thường xuyên đổi chỗ cho các em nếu thấy cần thiết. Tiêu chí của tôi là buổi sáng học chính khóa sẽ xếp các em học kém ngồi cạnh các bạn học khá và giỏi, và buổi chiều thì xếp chỗ theo năng lực học tập tương đương để luyện tập cùng cấp độ. Nghe có vẻ kỳ công một chút nhưng tôi thấy điều này thực sự gây hứng thú với các em.Cụ thể như sau:

+ Với tiết học buổi sáng, trước khi đổi chỗ, bao giờ tôi cũng nói với các em rằng “Mục đích của việc xếp chố là để các em được học hỏi, và có động lực phấn đấu theo các bạn chứ không phải để các em thấy tự ti hơn. Và các bạn học khá, đây là cơ hội để các em được giúp đỡ các bạn trở thành đôi bạn cùng tiến với mình. Cô tin vào sự cố gắng của các em”. Và quả thật, rất nhiều trường hợp được đổi chỗ như vậy có sự tiến bộ rõ rệt. Các em không còn cảm thấy phân biệt đối xử như một học sinh yếu kém trong lớp, mà có quyền thể hiện mình khi được cô giáo đặt niềm tin.

+ Đối với các tiết học buổi chiều, tôi thường chia học sinh thành các nhóm. Theo đó các em sẽ được ngồi cùng với các bạn có năng lực học tập tương đương. Tiết buổi chiều là giờ dạy thêm nên các con được luyện tập nhiều. Và do đó, khi chia nhóm, tôi có sổ theo dõi kết quả riêng của từng nhóm

Ví dụ lớp 9C có 33 học sinh: tôi chia thành 8 nhóm, mỗi nhóm 4 em và nhóm khá nhất có 5 em.

Lớp 9D có 30 học sinh được chia thành 7 nhóm, mỗi nhóm 4 học sinh và nhóm khá nhất có 6 em.

Theo đó, các tiết học buổi chiều, khi giao bài cho các nhóm, tôi sẽ yêu cầu các con làm cá nhân, kiểm tra theo nhó và lên bảng chữa chéo. Kết quả học tập cuối cùng của từng bài tôi sẽ lưu riêng vào sổ theo dõi, điểm của cá nhân và theo nhóm. Tôi động viên từng nhóm riêng, đến từng nhóm yếu hơn để hướng dẫn các em. Với kết quả, tôi tuyên dương theo kết quả làm việc của nhóm và của cá nhân nói riêng. Tôi thường yêu cầu các con ghi tổng số câu mình làm được của mỗi bài kiểm tra vào một sổ cá nhân riêng của các em để lấy động lực và mục tiêu phấn đấu cho lần sau. Khi tổng điểm từng nhóm, tôi sẽ nhờ nhóm trưởng thống kê, và chia trung bình trung điểm của cả nhóm. Từ đó động viên mỗi thành viên xem các con đã đạt mục tiêu chưa, hay cần phấn đấu lần sau. Tôi thấy các em học sinh 9C và 9D thực sự hứng thú với cách học vừa hợp tác vừa cạnh tranh thế này.

Đối với các nhóm học yếu, tôi thường giao thêm phần bài riêng cho các em trong quá trình hỏi bài. Và học sinh thường nộp bài rất đúng hạn theo lịch của tôi. Tôi nghĩ rằng với cách học thế này, các em sẽ tự tin hơn rất nhiều và đem lại kết quả cao hơn nữa.

Thứ ba, việc quan tâm tới học sinh còn thể hiện ở việc giáo viên đánh giá chất lượng học sinh đúng và kịp thời hay không. Với những học sinh thường xuyên vi phạm lỗi về học bài hay kỷ luật, giáo viên theo dõi, đưa ra hình thức xử lý nhưng phải dứt khoát. Ví dụ, nếu yêu cầu các con chép hay học thuốc cấu trúc, tôi thương gia hạn cố định 1 ngày nào đó cách 1,2 hôm và yêu cầu các con nộ đúng, đủ theo thời hạn. Đến tiết sau, tôi sẽ chủ động kiểm tra lại để các con biết rằng việc học của mình vẫn luôn được theo dõi sát sao. Nếu con không thực hiện, tôi sẽ kết hợp việc giáo dục con cùng với giáo viên chủ nhiệm và gia đình.

**4.2 Đối với học sinh**

Bên cạnh sự cố gắng và tâm huyết của người thầy, kết quả học tập của học sinh còn phụ thuộc vào chính bản thân các em. Để đạt kết quả cao, các em cần thực hiện tốt các nguyên tắc sau:

* Đi học đều
* Chú ý nghe giảng trên lớp và bày tỏ ý kiến khi không hiểu bài. Nếu các em cảm thấy ngại, không dám hỏi giáo viên về các vấn để của mình trong giờ, tôi thường khuyên các em có thể gặp tôi ngoài giờ hoặc viết vào giấy gửi cô để tiết sau cô sẽ giải đáp.
* Làm bài tập về nhà đầy đủ. Riêng với môn tiếng Anh, có một câu châm ngôn rằng “practice makes perfect” (luyện tập dẫn đến thành công). Vậy các em học sinh cần chăm chỉ ôn bài mới có thể tự trau dồi kiến thức cho bản thân.
* Học bài ở nhà hay trên lớp đều bám theo nguyên tắc “học sâu, nhớ lâu”. Tôi cũng thường xuyên trao đổi, chia sẻ với các em về cách học với môn tiếng Anh nói chung và với từng kiểu bài tập nói riêng.

**4.3 Đối với gia đình học sinh**

Sự kết hợp giữa học sinh và giáo viên nếu thuận lợi và tích cực sẽ mang lại hứng thú học tập và giảng dạy đối với cả hai bên. Tuy nhiên, có những đối tượng như các em học sinh yếu kém, thì mối quan hệ thầy- trò không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Để có thể sát sao với việc học của học sinh, giáo viên cũng rất cần phụ huynh học sinh lắng nghe những chia sẻ, những phản hổi lập tức của giáo viên với con về tiết học hôm đó. Ví dụ ở lớp 9C có em Nguyễn Văn Tài thường xuyên không chép bài và làm bài, lại hay bỏ tiết. Với mỗi trường hợp như vây, tôi thường nhờ giáo viên chủ nhiệm liên hệ trực tiếp với gia đình để họ biết tình hình ngay lúc đó của con em họ và sát sao hơn. Kết quả là, với sự kết hợp chặt chẽ của giáo viên và gia đình, em Tài cũng đi học chăm hơn và không dám bỏ tiết trong các buổi học.

**5. Kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm**

**5.1 Kết quả đạt được**

Với một số biện pháp tích cực trong quá trình giảng dạy, tôi thấy học sinh 2 lớp 9 mà tôi tiến hành khảo sát bắt đầu có những chuyển biến tích cực trong các bài kiểm tra tổ chức riêng của trường và của phòng giáo dục huyện.

Kết quả cụ thể

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đợt khảo sát | 9C (% trên TB) | 9D (% trên TB) |
| 15/11/2018  | 18.2% | 6.5 % |
| 14/12/2018 | 15.2% | 16.1% |
| 24/1/2019 | 18.2% | 16.7% |
| 21/2/2019 | 21.9% | 20.0% |

**Bảng số liệu điều tra**

|  |
| --- |
| **MÔN ANH- Thi học kỳ 1 Ngày thi: 14/12/2018** |
| **LỚP** | **SĨ SỐ** | **HS dự thi** | **Điểm 8 -10** | **Điểm 6.5 - 7,75** | **Điểm 5 - 6,25** | **Điểm 3 - 4,75** | **Điểm 0,25 - 2,75** | **Điểm 0** | **Trên TB** |
|  | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** |
| 9A | 36 | 36 | 100.0% | 2 | 5.6% | 7 | 19.4% | 18 | 50.0% | 9 | 25.0% |   | 0.0% |   | 0.0% | 27 | 75.0% |
| 9B | 35 | 35 | 100.0% | 1 | 2.9% | 5 | 14.3% | 10 | 28.6% | 11 | 31.4% | 8 | 22.9% |   | 0.0% | 16 | 45.7% |
| 9C | 33 | 33 | 100.0% | 1 | 3.0% | 0 | 0.0% | 4 | 12.1% | 17 | 51.5% | 11 | 33.3% |   | 0.0% | 5 | 15.2% |
| 9D | 31 | 31 | 100.0% | 0 | 0.0% | 1 | 3.2% | 4 | 12.9% | 21 | 67.7% | 5 | 16.1% |   | 0.0% | 5 | 16.1% |
| 9E | 36 | 36 | 100.0% | 0 | 0.0% | 2 | 5.6% | 5 | 13.9% | 22 | 61.1% | 7 | 19.4% |   | 0.0% | 7 | 19.4% |
| KHỐI 9 | 171 | 171 | 100.0% | 4 | 2.3% | 15 | 8.8% | 41 | 24.0% | 80 | 46.8% | 31 | 18.1% | 0 | 0.0% | 60 | 35.1% |

|  |
| --- |
| **MÔN ANHNgày thi: 24/01/2019** |
| **LỚP** | **SĨ SỐ** | **HS dự thi** | **Điểm 8 -10** | **Điểm 6.5 - 7,75** | **Điểm 5 - 6,25** | **Điểm 3 - 4,75** | **Điểm 0,25 - 2,75** | **Điểm 0** | **Trên TB** |
|  | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** |
| 9A | 36 | 36 | 100.0% | 3 | 8.3% | 14 | 38.9% | 16 | 44.4% | 3 | 8.3% |   | 0.0% | 0 | 0.0% | 33 | 91.7% |
| 9B | 35 | 35 | 100.0% | 3 | 8.6% | 3 | 8.6% | 12 | 34.3% | 10 | 28.6% | 7 | 20.0% | 0 | 0.0% | 18 | 51.4% |
| 9C | 33 | 33 | 100.0% | 0 | 0.0% | 3 | 9.1% | 3 | 9.1% | 10 | 30.3% | 17 | 51.5% | 0 | 0.0% | 6 | 18.2% |
| 9D | 31 | 30 | 96.8% | 0 | 0.0% | 1 | 3.3% | 4 | 13.3% | 15 | 50.0% | 10 | 33.3% | 0 | 0.0% | 5 | 16.7% |
| 9E | 36 | 36 | 100.0% | 0 | 0.0% | 3 | 8.3% | 5 | 13.9% | 17 | 47.2% | 11 | 30.6% | 0 | 0.0% | 8 | 22.2% |
| **K9** | **171** | **170** | **99.4%** | **6** | **3.5%** | **24** | **14.1%** | **40** | **23.5%** | **55** | **32.4%** | **45** | **26.5%** | **0** | **0.0%** | **70** | **41.2%** |

|  |
| --- |
| **MÔN ANHNgày thi: 21/02/2019** |
| **LỚP** | **SĨ SỐ** | **HS dự thi** | **Điểm 8 -10** | **Điểm 6.5 - 7,75** | **Điểm 5 - 6,25** | **Điểm 3 - 4,75** | **Điểm 0,25 - 2,75** | **Điểm 0** | **Trên TB** |
|  | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** | **SL** | **Tỉ lệ %** |
| 9A | 36 | 36 | 100.0% | 7 | 19.4% | 13 | 36.1% | 12 | 33.3% | 3 | 8.3% | 1 | 2.8% |   | 0.0% | 32 | 88.9% |
| 9B | 35 | 34 | 97.1% | 2 | 5.9% | 5 | 14.7% | 10 | 29.4% | 11 | 32.4% | 6 | 17.6% |   | 0.0% | 17 | 50.0% |
| 9C | 33 | 32 | 97.0% | 0 | 0.0% | 2 | 6.3% | 5 | 15.6% | 14 | 43.8% | 11 | 34.4% |   | 0.0% | 7 | 21.9% |
| 9D | 31 | 30 | 96.8% | 0 | 0.0% | 1 | 3.3% | 5 | 16.7% | 17 | 56.7% | 7 | 23.3% |   | 0.0% | 6 | 20.0% |
| 9E | 36 | 36 | 100.0% | 0 | 0.0% | 1 | 2.8% | 4 | 11.1% | 13 | 36.1% | 18 | 50.0% |   | 0.0% | 5 | 13.9% |
| **K9** | **171** | **168** | **98.2%** | **9** | **5.4%** | **22** | **13.1%** | **36** | **21.4%** | **58** | **34.5%** | **43** | **25.6%** | **0** | **0.0%** | **67** | **39.9%** |

**5.2 Bài học kinh nghiệm**

Việc thay đổi biện pháp dạy học của tôi phần lớn có tác động tích cực tới tinh thần học tập của các em, tạo niềm tin và giúp các em học tập trung hơn. Tuy nhiên, việc sắp xếp các em ngồi cùng một nhóm đôi khi cũng có bất lợi ở chỗ nếu các em quá hiếu động như học sinh lớp 9C thì các em sẽ tranh thủ cơ hội để được nói chuyện và nghịch ngợm khi giáo viên chưa kịp thời quan sát. Do đó, để thực hiện được việc học nhóm hiệu quả, tôi nghĩ giáo viên cần có sự bao quát lớn, tập trung và nghiêm khắc, kiểm điểm nhắc nhở kịp thời để không làm ảnh hưởng tới không khí học tập chung của lớp.

**PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

 **1. KẾT LUẬN**

Với những biện pháp kết hợp chặt chẽ giữa giáo viên, học sinh và gia đình, tôi nhận thấy các em dần có ý thức và trách nhiệm với việc học hơn. Các em chia sẻ những khó khăn với giáo viên qua tiết học nhóm sôi nổi hơn và mạnh dạn thể hiện kết quả học tập dù chưa được cao nhưng để cạnh tranh với các bạn trong cùng nhóm, cùng lớp. Tôi tin rằng, với động lực và tinh thần học tập như vậy, các em học sinh của tôi sẽ đạt thành tích cao hơn trong năm học này và đạt được kết quả tối đa trong kì thi vào cấp 3 sắp tới. Tôi đang thực hiện các biện pháp mà tôi đang áp dụng cho 2 lớp 9 vào các lớp khác tôi dạy và hy vọng các bạn học sinh sẽ có những thành công hơn nữa trong môn tiếng Anh để đưa chất lượng trường tôi cao hơn.

 **2. KhuyÕn nghÞ:**

Để nâng cao chất lượng giáo dục ở môn tiếng Anh nói chung, tôi rất mong các cấp, ngành giáo dục:

- Thường xuyên tổ chức cho giáo viên được tham gia các lớp tập huẩn, nâng cao phương pháp dạy học mới cấp huyện, cấp thành phố để giáo viên có thể kịp thời nắm bắt và áp dụng như đợt tập huấn với thầy Vũ Hải Hả- vào tháng 7 năm 2018.

- Tạo điều kiện cho giáo viên tiếng Anh có nhiều cơ hội làm việc, trao đổi với giáo viên nước ngoài và đi thực tế tại nước ngoài.

-Trang bị cho trường THCS Vạn Phúc phòng chức năng riêng để có thể dạy tiếng Anh tốt hơn.

Trong khuôn khổ của một đề tài, tôi mới mạnh dạn áp dụng được một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng môn tiếng Anh tại trường THCS Vạn Phúc. Rất mong sự chia sẻ, rút kinh nghiệm từ lãnh đạo các cấp để đề tài của tôi có thể được áp dụng phổ biến và đem lại hiệu quả tốt hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Xác nhận của thủ trưởng Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến của bản thân viết,

không sao chép của bất cứ ai.

Hà Nội ngày 13 / 03 / 2019

 Người viết

Nguyễn Thị Thanh Hoa

**PHẦN IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <https://owlcation.com/academia/5-Easy-Strategies-to-Help-English-Language-Learners-Succeed-in-Your-Classroom?utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo>

2. Kỹ thuật dạy tiếng Anh- Nguyễn Quốc Hùng-Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội

3. Five- minute activities- Penny Ur & Andrew Wright- Nhà xuất bản Cambridge

4. Cẩm nang phương pháp sư phạm- Ths. Nguyễn Thị Minh Phượng - Ths. Phạm Thị Thúy – Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.